

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã K, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phước C, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: ấp T, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2007, và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đòi

sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị K yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Phước T, sinh năm 2012, chị K yêu cầu để con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Phước C trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống năm 2007, và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không lớn, anh cũng nhìn nhận lỗi lầm và còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Phước T, sinh năm 2012, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thị K và bị đơn Nguyễn Phước C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2012, theo quy định nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị K, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh Chí nhưng không được. Anh C thì cho rằng anh còn thương vợ và hứa sẽ khắc phục sai trái để vợ chồng hàn gắn lại với nhau. Qua diễn biến tại phiên tòa và sự kiên quyết ly hôn của chị K, cho thấy giữa chị K và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị K yêu cầu ly hôn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị K, anh C có một con chung tên Nguyễn Phước T, sinh năm 2012, hiện đang sống chung với chị K, cháu T có nguyện vọng sống với chị K.

Và chị K cũng có đủ điều kiện nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị K nuôi dưỡng. Anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Phước C được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 25/10/2012, cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Phước C chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011221 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị K đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã K,
h. P, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh